

Ngày 12/02/2018

TỔNG HỢP THÔNG TIN TRONG NGÀY
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP
DHT: Trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%

DHT - CTCP Dược phẩm Hà Tây - Ngày 28/2 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2017, ngày đăng ký cuối cùng là 01/3. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%, thanh toán bắt đầu từ ngày 15/3/2018.

VNM: F&N Dairy Investment PTE Ltd đăng ký mua 14,51 triệu cp

VNM - CTCP Sữa Việt Nam – Vinamilk - Từ ngày 21/2 đến 22/3, F&N Dairy Investment PTE Ltd, cổ đông lớn tiếp tục đăng ký mua vào 14,51 triệu cổ phiếu VNM, qua đó dự kiến nâng sở hữu tại VNM lên 258,31 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 17,8%.

VC7: mẹ Giám đốc đăng ký bán toàn bộ 399.000 cp

VC7 - CTCP Xây dựng số 7 - Bà Nguyễn Thị Thiệp, mẹ ông Nguyễn Đức Dũng, Giám đốc đăng ký bán toàn bộ vốn toàn bộ 399.000 cổ phiếu VC7, tỷ lệ 3,64%. Giao dịch dự kiến thực hiện từ ngày 13/2 đến 13/3 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh.

VIP: Trả cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 8%

VIP - Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu VIPCO - Ngày 23/02/2018 là ngày GDKHQ tổ chức ĐHĐCĐ TN2018 và tạm ứng cổ tức năm 2017 (800 đ/cp).

TỔNG QUAN TTCK QUỐC TẾ

| KHU VỰC | CHỈ SỐ | +/- | ĐIỂM |
|---------|------------|-----------|-----------|
| MỸ | Dow Jones | ↑ 330.44 | 24,190.90 |
| | Nasdaq | ↑ 97.33 | 6,874.49 |
| | S&P 500 | ↑ 38.55 | 2,619.55 |
| CHÂU ÂU | FTSE 100 | ↓ -78.26 | 7,092.43 |
| | DAX | ↓ -152.81 | 12,107.48 |
| | CAC 40 | ↓ -72.47 | 5,079.21 |
| CHÂU Á | Nikkei 225 | ↓ -508.24 | 21,382.62 |
| | Hang Seng | ↑ 205.66 | 29,713.08 |
| | Shanghai | ↓ -132.20 | 3,129.85 |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp)

Cập nhật ngày 12/02/2018

TIN KINH TẾ TRONG NƯỚC NỔI BẬT
Gần 80% thị phần khai thác mới bảo hiểm nhân thọ trong tay 5 'ông lớn'

Báo cáo số liệu mới nhất từ Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm (QLBH) cho thấy năm 2017, thị trường bảo hiểm nhân thọ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ấn tượng với tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 66.235 tỷ đồng, tăng trưởng 31% so với năm 2016; doanh thu khai thác mới ước đạt 22.558 tỷ đồng, tăng trưởng 28,7% so với cùng kỳ năm 2016. Chi tiết xin xem tại: <https://www.stockbiz.vn/News/2018/2/12/794415/gan-80-thi-phan-khai-thac-moi-bao-hiem-nhan-tho-trong-tay-5-ong-lon.aspx>

Doanh số bán xe ô tô tháng 1 giảm 7% so với tháng 12

Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) vừa công bố tổng doanh số bán hàng của toàn thị trường ô tô trong tháng 1 đạt 26.037 xe, mặc dù giảm 7% so với tháng 12/2017 nhưng tăng tới 28% so với cùng kỳ năm trước. Chi tiết xin xem tại: <https://www.vietnamplus.vn/doanh-so-ban-hang-toan-thi-truong-oto-giam-trong-mua-mua-sam-cuoi-nam/488183.vnp>

Ngày 12/02: Tỷ giá trung tâm ở mức 22.430 đồng, giảm 10 đồng so với phiên trước đó

Tỷ giá trung tâm ngày 12/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.430 đồng, giảm tới 10 đồng so với mức công bố cuối tuần trước. Trong khi đó, giá USD tại các ngân hàng thương mại sáng nay tiếp tục không có nhiều biến động. Cụ thể, Vietinbank giảm nhẹ 1 đồng ở hai chiều so với giá khảo sát sáng thứ 7 tuần trước, hiện đang niêm yết USD ở mức 22.658-22.728 đồng.

Sáng ngày 12/02: Giá vàng SJC ở mức 36,89 - 37,12 triệu đồng/lượng

Khảo sát lúc 8h50 sáng nay (12/2), giá vàng miếng SJC tại Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn – SJC đang được niêm yết ở mức 36,89 – 37,12 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra); tăng tiếp 250 nghìn đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 300 nghìn đồng/lượng chiều bán ra so với giá khảo sát sáng thứ 7 tuần trước. Cùng thời điểm, giá vàng giao ngay trên sàn Kitco đang được niêm yết ở mức 1.323,8 USD/oz, tăng 8,1 USD, tương đương 0,62% so với chốt phiên trước. Quy đổi theo tỷ giá tại Vietcombank sáng nay, hiện giá vàng trong nước đang đắt hơn thế giới 640 nghìn đồng/lượng, mở rộng 30 nghìn đồng so với phiên trước.

TIN QUỐC TẾ NỔI BẬT
Ngày 09/02: Chỉ số Dow Jones giảm 4.15%, xuống 23,860.46 điểm

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, chỉ số Dow Jones tiến 330.44 điểm (tương đương 1.38%) lên 24,190.9 điểm, S&P 500 tăng 38.55 điểm (tương đương 1.49%) lên 2,619.55 điểm và chỉ số Nasdaq Composite cộng 97.33 điểm (tương đương 1.44%) lên 6,874.49 điểm. Số cổ phiếu tăng vượt số cổ phiếu giảm trên sàn New York theo tỷ lệ 1.43:1. Trên sàn Nasdaq, tỷ lệ này là 1.36:1.

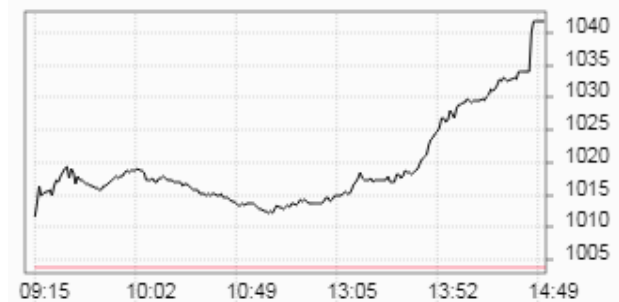
Ngày 09/02: Dầu WTI giảm 3.2%, xuống 59.20 USD/thùng

Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Sáu, hợp đồng dầu thô ngọt nhẹ WTI giao tháng 3 trên sàn Nymex lùi 1.95 USD (tương đương 3.2%) xuống 59.20 USD/thùng, mức đóng cửa thấp nhất kể từ ngày 22/12/2017. Hợp đồng dầu Brent giao tháng 4 trên sàn Luân Đôn mất 2.02 USD (tương đương 3.1%) còn 62.79 USD/thùng – mức đóng cửa thấp nhất kể từ ngày 13/12/2017, đồng thời ghi nhận mức sụt 8.4% trong tuần qua.

Ngày 12/02/2018

TỔNG HỢP DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX

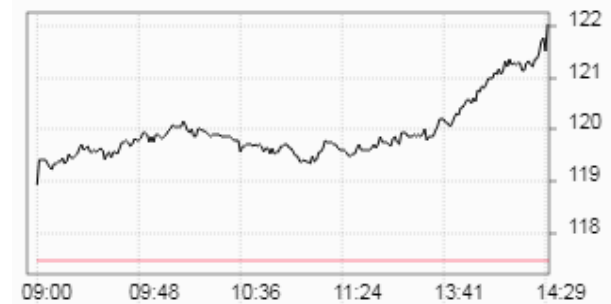
| | | |
|-------------------|---|----------------------|
| Thay đổi (điểm) | ↑ | +37,85/+3,77% |
| Giá trị (điểm) | ↑ | 1,041.79 |
| Khối lượng (cp) | | 171,101,897 |
| Giá trị (tỷ đồng) | | 5,065.24 |
| Số cp tăng giá | ↑ | 230 |
| Số cp giảm giá | ↓ | 62 |
| Số cp đứng giá | → | 63 |

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ VN-INDEX


| Mã | Mở | Đóng | Cao | Thấp | KL | Thay đổi |
|-----|------|-------|-------|------|-----------|----------|
| BHN | 142 | 148.3 | 148.3 | 142 | 7,530 | ↑ 7.0% |
| PXS | 7.3 | 7.3 | 7.3 | 6.9 | 143,190 | ↑ 7.0% |
| HVX | 3.5 | 4 | 4 | 3.5 | 40 | ↑ 7.0% |
| BID | 33 | 34.6 | 34.6 | 32.5 | 2,363,270 | ↑ 7.0% |
| IDI | 11.6 | 12.3 | 12.3 | 11.6 | 4,355,010 | ↑ 7.0% |

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX

| | | |
|-------------------|---|---------------------|
| Thay đổi (điểm) | ↑ | +4,52/+3,85% |
| Giá trị (điểm) | ↑ | 122.02 |
| Khối lượng (cp) | | 43,107,831 |
| Giá trị (tỷ đồng) | | 617.80 |
| Số cp tăng giá | ↑ | 128 |
| Số cp giảm giá | ↓ | 51 |
| Số cp đứng giá | → | 201 |

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG - CHỈ SỐ HNX-INDEX


| Mã | Mở | Đóng | Cao | Thấp | KL | Thay đổi |
|-----|------|------|------|------|--------|----------|
| GMX | 26.4 | 26.4 | 26.4 | 26.4 | 100 | ↑ 10.0% |
| TSB | 8.8 | 8.8 | 8.8 | 8.8 | 200 | ↑ 10.0% |
| LCS | 5.5 | 5.5 | 5.5 | 5 | 43,600 | ↑ 10.0% |
| QHD | 16.6 | 16.6 | 16.6 | 16.6 | 517 | ↑ 9.9% |
| ATS | 36.7 | 40.4 | 40.4 | 36.6 | 14,700 | ↑ 9.8% |

TỔNG QUAN GD NĐTNN

| TỔNG KL (CỔ PHIẾU) | SÀN HCM | SÀN HN |
|--------------------|--------------------|-----------------|
| MUA | 17,239,230 | 1,135,705 |
| BÁN | 27,646,740 | 1,452,553 |
| MUA - BÁN | -10,407,510 | -316,848 |

SÀN HCM và SÀN HN

Ngày 12/02, khối ngoại bán ròng hơn 451 tỷ đồng trên HOSE và bán ròng hơn 9,4 tỷ đồng trên HNX. Cụ thể, trên sàn HOSE, họ đã mua vào hơn 17,2 triệu cổ phiếu (trị giá 977 tỷ đồng) và bán ra hơn 27,6 triệu cổ phiếu (trị giá 1.428 tỷ đồng). Trên sàn HNX, họ mua vào gần 1,1 triệu cổ phiếu (trị giá 22,4 tỷ đồng) và bán ra hơn 1,4 triệu cổ phiếu (trị giá 31,9 tỷ đồng).

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp;...)

Ngày 12/02/2018

TỈ LỆ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHỈ SỐ VN-INDEX

Vốn hóa thị trường (Ngày 09/02/2018): 2,722,763.00 tỷ đồng

Giá trị VN-INDEX (Ngày 09/02/2018): 1,003.94 điểm

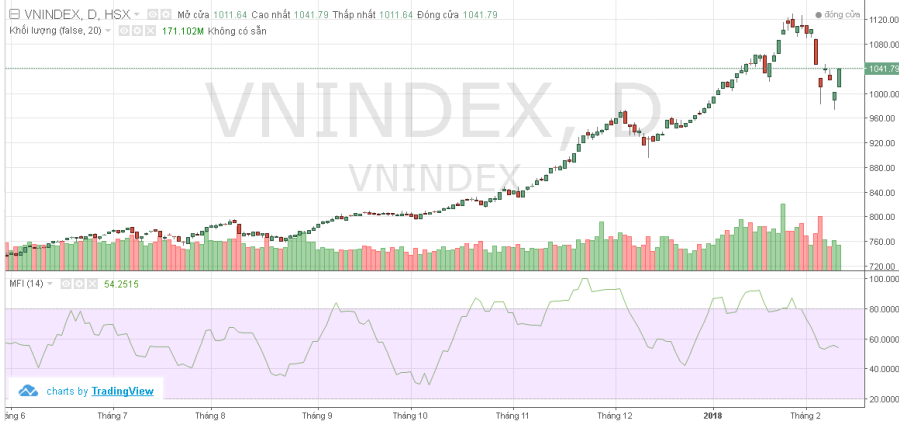
Cập nhật ngày 12/02/2018

| Mã CK | Tỷ lệ ảnh hưởng | KL niêm yết | Giá tham chiếu | Giá khớp | +/- | % | KL khớp | Điểm ảnh hưởng |
|-------|-----------------|---------------|----------------|----------|------|-------|-----------|----------------|
| VNM | 10.2% | 1,451,453,429 | 191 | 192 | 1.0 | 0.5% | 970,250 | 0.53 |
| VCB | 8.0% | 3,597,768,575 | 60.9 | 63.5 | 2.6 | 4.3% | 1,847,850 | 3.45 |
| VIC | 7.6% | 2,637,707,954 | 78.2 | 83.6 | 5.4 | 6.9% | 1,403,590 | 5.26 |
| GAS | 6.8% | 1,913,950,000 | 96.8 | 103.5 | 6.7 | 6.9% | 1,341,740 | 4.73 |
| SAB | 5.3% | 641,281,186 | 225 | 233 | 8.0 | 3.6% | 108,810 | 1.89 |
| BID | 4.1% | 3,418,715,334 | 32.3 | 34.55 | 2.3 | 7.0% | 2,363,270 | 2.84 |
| MSN | 3.5% | 1,157,373,974 | 82.2 | 85 | 2.8 | 3.4% | 997,380 | 1.20 |
| PLX | 3.5% | 1,293,878,081 | 73.1 | 77.9 | 4.8 | 6.6% | 750,900 | 2.29 |
| CTG | 3.4% | 3,723,404,556 | 24.5 | 26.2 | 1.7 | 6.9% | 3,613,760 | 2.33 |
| VRE | 3.3% | 1,901,078,733 | 47.75 | 47.75 | 0.0 | 0.0% | 3,845,820 | 0.00 |
| HPG | 3.2% | 1,517,079,000 | 58.3 | 58.8 | 0.5 | 0.9% | 6,576,890 | 0.28 |
| VJC | 3.1% | 451,343,284 | 185 | 196.9 | 11.9 | 6.4% | 1,243,970 | 1.98 |
| VPB | 2.6% | 1,332,689,035 | 52.5 | 55.2 | 2.7 | 5.1% | 6,359,690 | 1.33 |
| ROS | 2.5% | 472,999,999 | 143.5 | 150 | 6.5 | 4.5% | 1,416,570 | 1.13 |
| MBB | 1.9% | 1,815,505,363 | 28.9 | 30.9 | 2.0 | 6.9% | 4,292,020 | 1.34 |
| NVL | 1.8% | 622,828,788 | 80 | 79 | -1.0 | -1.3% | 2,377,370 | -0.23 |
| BVH | 1.8% | 680,471,434 | 71.6 | 73.5 | 1.9 | 2.7% | 297,370 | 0.48 |
| HDB | 1.6% | 980,999,979 | 44.6 | 46.5 | 1.9 | 4.3% | 3,436,010 | 0.69 |
| MWG | 1.3% | 316,988,437 | 112 | 113.9 | 1.9 | 1.7% | 570,900 | 0.22 |
| BHN | 1.2% | 231,800,000 | 138.6 | 148.3 | 9.7 | 7.0% | 7,530 | 0.83 |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, Cophieu68, HOSE)

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



50% cash

50% stocks

Vùng mua: 1.020 - 1.040

Vùng chốt lời ngắn hạn: 1.060 - 1.080

Chú thích: Xu hướng tăng yếu dựa trên cơ sở: (1) Thanh khoản yếu; (2) Chỉ báo dòng tiền trung tính;...

Phân tích kỹ thuật

Nhận định:

Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng Vn-Index sẽ kiểm tra vùng kháng cự gần nhất tại 1.060 - 1.080 điểm. Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 50% cash/ 50% stocks.

Khuyến nghị ngắn hạn:

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của Vn-Index được dự báo nằm tại 1.020 - 1.040 điểm. Đây được xem là điểm mua vào tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục. Xem xét bán ra khi thủng ngưỡng hỗ trợ 1.020. Vùng hỗ trợ tiếp theo được dự báo ở mức 980 - 1.000 điểm.

Trong kịch bản tích cực, vùng 1.060 - 1.080 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là điểm bán giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục. Vùng kháng cự tiếp theo được dự báo ở mức 1.100 - 1.120 điểm.

HNX-INDEX



50% cash

50% stocks

Vùng mua: 120.0 - 122.0

Vùng chốt lời ngắn hạn: 124.0 - 126.0

Chú thích: Xu hướng tăng yếu dựa trên cơ sở: (1) Thanh khoản yếu; (2) Chỉ báo dòng tiền tiêu cực;...

Phân tích kỹ thuật

Nhận định:

Dựa vào chuyển động của các chỉ báo kỹ thuật, chúng tôi cho rằng Hnx-Index sẽ kiểm tra vùng kháng cự gần nhất tại 124.0 - 126.0 điểm. Tỷ trọng danh mục đề nghị theo công thức Kelly: 50% cash/ 50% stocks.

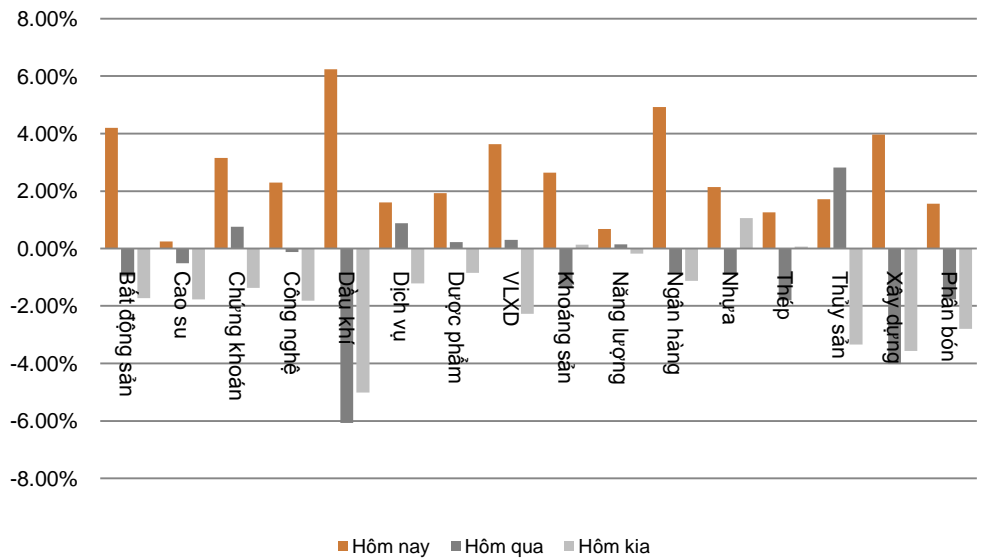
Khuyến nghị ngắn hạn:

Trong kịch bản tiêu cực, vùng hỗ trợ gần của Hnx-Index được dự báo nằm tại 120.0 - 122.0 điểm. Đây được xem là điểm mua vào tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục. Xem xét bán ra khi thủng ngưỡng hỗ trợ 120.0. Vùng hỗ trợ tiếp theo ở mức 116.0 - 118.0.

Trong kịch bản tích cực, vùng 124.0 - 126.0 điểm sẽ đóng vai trò là vùng kháng cự gần, đồng thời là điểm bán giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục. Vùng kháng cự tiếp theo ở mức 128.0 - 130.0 điểm.

DIỄN BIẾN CHỈ SỐ NGÀNH

| Ngành | Thay đổi |
|--------------|----------|
| Bất động sản | ↑ 4.20% |
| Cao su | ↑ 0.24% |
| Chứng khoán | ↑ 3.15% |
| Công nghệ | ↑ 2.29% |
| Dầu khí | ↑ 6.24% |
| Dịch vụ | ↑ 1.60% |
| Dược phẩm | ↑ 1.93% |
| VLXD | ↑ 3.63% |
| Khoáng sản | ↑ 2.64% |
| Năng lượng | ↑ 0.68% |
| Ngân hàng | ↑ 4.92% |
| Nhựa | ↑ 2.14% |
| Thép | ↑ 1.26% |
| Thủy sản | ↑ 1.72% |
| Xây dựng | ↑ 3.97% |
| Phân bón | ↑ 1.56% |

BIỂU ĐỒ NGÀNH

CHI TIẾT NGÀNH

| Ngành | Mã chứng khoán | Giá tham chiếu | Giá khớp | +/- | % | KLGD |
|--------------------|----------------|----------------|----------|-------|--------|-----------|
| Chứng khoán | SSI | 31.6 | 33.6 | ↑ 2.0 | ↑ 6.3% | 4,601,160 |
| | HCM | 81 | 82.6 | ↑ 1.6 | ↑ 2.0% | 260,570 |
| | VCI | 80 | 80 | → 0.0 | → 0.0% | 142,090 |
| Dầu khí | GAS | 96.8 | 103.5 | ↑ 6.7 | ↑ 6.9% | 1,341,740 |
| | PLX | 73.1 | 77.9 | ↑ 4.8 | ↑ 6.6% | 750,900 |
| | PVS | 20.6 | 22.6 | ↑ 2.0 | ↑ 9.7% | 4,199,700 |
| Dịch vụ | VEF | 51.3 | 53 | ↑ 1.7 | ↑ 3.3% | 1,500 |
| | PAN | 50.4 | 51 | ↑ 0.6 | ↑ 1.2% | 84,260 |
| | SKG | 26.1 | 26.7 | ↑ 0.6 | ↑ 2.3% | 35,060 |
| Ngân hàng | VCB | 60.9 | 63.5 | ↑ 2.6 | ↑ 4.3% | 1,847,850 |
| | BID | 32.3 | 34.55 | ↑ 2.3 | ↑ 7.0% | 2,363,270 |
| | CTG | 24.5 | 26.2 | ↑ 1.7 | ↑ 6.9% | 3,613,760 |
| Thủy sản | MPC | 69.2 | 71 | ↑ 1.8 | ↑ 2.6% | 2,000 |
| | VHC | 52 | 52 | → 0.0 | → 0.0% | 101,880 |
| | ANV | 15.3 | 15.8 | ↑ 0.5 | ↑ 3.3% | 1,021,180 |

Cập nhật ngày 12/02/2018

Ngày 12/02/2018

ĐẦU TƯ THEO NHÓM NGÀNH

| Ngành | Biến động tuần (%) | Cổ phiếu nổi bật | Thông tin cập nhật |
|--------------|--------------------|-------------------------|--|
| Bất động sản | ↑ 0.92% | VIC, PDR, DIG, DXG, SCR | Thị trường BĐS có nhiều chuyển biến tích cực trong năm 2017. |
| Cao su | ↓ -3.03% | CSM, DRC, SRC | Giá bán sản phẩm sụt giảm do áp lực cạnh tranh tăng cao. |
| Chứng khoán | ↑ 2.49% | HCM, SSI, VND | Triển vọng nâng hạng TTCK Việt Nam – yếu tố tạo kỳ vọng. |
| Công nghệ | ↓ -0.54% | FPT, CMG, ELC | Theo dự báo của NASSCOM, nhu cầu phần mềm thế giới sẽ tăng trưởng từ 15-20% trong giai đoạn 2016-2020. |
| Dầu khí | ↓ -7.76% | GAS, PVC, PVD, PVS | Ngành Dầu khí tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ diễn biến giá dầu. |
| Dịch vụ | ↑ 2.26% | PAN, SKG, VNG, DSN | Dự báo năm 2017, tổng thu du lịch ước đạt 480.000 tỷ đồng (+20%). |
| Dược phẩm | ↑ 2.61% | DCL, DHG, DMC, IMP | Theo dự báo của BMI ngành dược sẽ tiếp tục đạt mức tăng trưởng với hai con số trong giai đoạn 5 năm tới khoảng 11,8%. |
| VLXD | ↑ 0.31% | HT1, BCC | Cuộc đua giành thị phần tiêu thụ xi măng sẽ khốc liệt. |
| Khoáng sản | ↑ 3.20% | NBC, TC6, TCS, TDN | Ngành khoáng sản hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn. |
| Năng lượng | ↑ 1.07% | BTP, PPC, VSH, NT2 | Kỳ vọng tăng trưởng mạnh mẽ từ ngành thủy điện. |
| Ngân hàng | ↑ 3.14% | VCB, BID, CTG, MBB, SHB | Triển vọng ngành ngân hàng thể hiện từ dự báo KQKD khả quan. |
| Nhựa | ↑ 2.70% | BMP, NTP, AAA | Từ 01/01/2017, hạt nhựa PP nhập khẩu sẽ bị áp thuế 3% thay vì 1% làm giảm biên lợi nhuận gộp. |
| Thép | ↑ 2.46% | HPG, HSG, VGS, NKG | Thép phục hồi mạnh, nhưng triển vọng không chắc chắn. |
| Thủy sản | ↓ -5.38% | FMC, HVG, IDI, VHC | Ngành Thủy sản sẽ vẫn gặp nhiều khó khăn trong năm 2017. |
| Xây dựng | ↓ -5.49% | CTD, PXS, VCG, VNE | Ngành xây dựng Việt Nam gần đây ghi nhận kỉ lục tăng trưởng kép 19%. |
| Phân bón | ↓ -2.88% | FMC, HVG, IDI, VHC | Ngành Phân bón đang trong giai đoạn khó khăn khi chịu áp lực cạnh tranh từ phân bón nhập khẩu cũng như nạn phân bón giả. |

Cập nhật ngày 12/02/2018

Ngày 12/02/2018

GIÁ CẢ HÀNG HÓA THẾ GIỚI

| Năng lượng | Giá hiện tại | Thay đổi | | | | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|-----------|---------|--------------------|
| | | 1 Ngày | 1 Tuần | 1 Tháng | 1 Năm | |
| Crude Oil | 60.487 ↑ | 1.70% ↓ | -5.72% ↓ | -6.14% ↑ | 14.26% | 12/02/2018 |
| Brent | 64.1484 ↑ | 1.95% ↓ | -5.14% ↓ | -8.07% ↑ | 15.38% | 12/02/2018 |
| Natural gas | 2.5715 ↓ | -0.46% ↓ | -6.39% ↓ | -17.85% ↓ | -12.65% | 12/02/2018 |
| Gasoline | 1.714 ↑ | 0.81% ↓ | -7.18% ↓ | -7.79% ↑ | 10.97% | 12/02/2018 |
| Heating oil | 1.8669 ↑ | 0.64% ↓ | -7.56% ↓ | -11.24% ↑ | 14.72% | 12/02/2018 |
| Ethanol | 1.403 ↓ | -0.85% ↓ | -4.10% ↑ | 5.97% ↓ | -11.48% | 12/02/2018 |

| Kim loại | Giá hiện tại | Thay đổi | | | | Thời gian cập nhật |
|-----------|--------------|----------|----------|-----------|--------|--------------------|
| | | 1 Ngày | 1 Tuần | 1 Tháng | 1 Năm | |
| Gold | 1320.22 ↑ | 0.41% ↓ | -1.42% ↓ | -1.36% ↑ | 7.77% | 12/02/2018 |
| Silver | 16.456 ↑ | 0.62% ↓ | -1.72% ↓ | -5.19% ↓ | -7.53% | 12/02/2018 |
| Platinum | 966.5 ↑ | 0.21% ↓ | -2.31% ↓ | -2.72% ↓ | -2.86% | 12/02/2018 |
| Palladium | 983.25 ↑ | 0.74% ↓ | -4.52% ↓ | -12.66% ↑ | 26.98% | 12/02/2018 |

| Nông nghiệp | Giá hiện tại | Thay đổi | | | | Thời gian cập nhật |
|--------------|--------------|----------|----------|----------|---------|--------------------|
| | | 1 Ngày | 1 Tuần | 1 Tháng | 1 Năm | |
| Orange Juice | 147.60 ↑ | 0.07% ↑ | 0.41% ↑ | 9.74% ↓ | -11.67% | 12/02/2018 |
| Coffee | 121.8 ↓ | -0.85% ↑ | 1.20% ↓ | -1.69% ↓ | -15.53% | 12/02/2018 |
| Soybeans | 998.517 ↑ | 1.78% ↑ | 2.94% ↑ | 3.78% ↓ | -5.31% | 12/02/2018 |
| Wheat | 457.4294 ↑ | 1.78% ↑ | 3.90% ↑ | 8.65% ↑ | 1.15% | 12/02/2018 |
| Cotton | 77.01 ↑ | 0.43% ↑ | 0.57% ↓ | -5.43% ↑ | 0.52% | 12/02/2018 |
| Rice | 12.3656 ↑ | 0.04% ↓ | -1.21% ↑ | 4.76% ↑ | 30.37% | 12/02/2018 |
| Palm Oil | 2551 ↑ | 2.24% ↑ | 2.04% ↑ | 2.86% ↓ | -21.51% | 12/02/2018 |
| Cheese | 1.481 ↓ | -0.13% ↓ | -0.40% ↓ | -1.27% ↓ | -12.47% | 12/02/2018 |
| Milk | 13.5 ↑ | 0.22% ↓ | -1.75% ↓ | -1.96% ↓ | -19.98% | 12/02/2018 |
| Cocoa | 2032 ↓ | -0.10% ↓ | -1.36% ↑ | 4.64% ↑ | 7.52% | 12/02/2018 |
| Oat | 270.2578 ↑ | 1.41% ↑ | 0.47% ↑ | 8.74% ↑ | 6.09% | 12/02/2018 |
| Sugar | 13.65 ↓ | -0.15% ↓ | -1.08% ↑ | 1.18% ↓ | -31.25% | 12/02/2018 |
| Tea | 3.24 ↑ | 0.93% ↑ | 1.25% ↓ | -2.41% ↓ | -4.14% | 12/02/2018 |
| Canola | 502 ↑ | 0.82% ↑ | 1.43% ↑ | 2.24% ↓ | -4.34% | 12/02/2018 |

| Công nghiệp | Giá hiện tại | Thay đổi | | | | Thời gian cập nhật |
|-------------|--------------|----------|----------|-----------|---------|--------------------|
| | | 1 Ngày | 1 Tuần | 1 Tháng | 1 Năm | |
| Live Cattle | 126.7453 ↑ | 0.66% ↓ | -0.26% ↑ | 8.26% ↑ | 9.14% | 12/02/2018 |
| Steel | 3921 ↓ | -1.23% ↓ | -0.23% ↓ | -16.56% ↑ | 15.32% | 12/02/2018 |
| Bitumen | 2608 ↓ | -1.51% ↑ | 1.32% ↑ | 1.09% ↓ | -4.47% | 12/02/2018 |
| Iron Ore | 78 → | 0.00% ↑ | 6.85% ↓ | -0.64% ↓ | -14.29% | 12/02/2018 |

(Nguồn: ASEANSC tổng hợp, tradingeconomics.com)

Ngày 12/02/2018

DANH MỤC CỦA CANSLIM
CÁC KHUYẾN NGHỊ CÒN MỞ TRẠNG THÁI

| Mã CP | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ghi chú |
|-------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|---------|
|-------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|---------|

Trung bình:

#DIV/0!

CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG TRONG THÁNG

| Mã CP | Mua Bán | Trạng thái | Giá mua/Bán | Giá hiện tại | Giá mục tiêu | Lãi lỗ tiềm năng | Lãi lỗ ghi nhận | Ngày mở TT | Ngày đóng TT |
|-------------|---------|------------|-------------|--------------|--------------|------------------|-----------------|------------|--------------|
| VNM | Mua | Đóng | 115.0 | 138.0 | 140.0 | 21.7% | 20.0% | 27/01/2016 | 17/03/2016 |
| BTP | Mua | Đóng | 11.4 | 15.8 | 15.3 | 34.2% | 38.6% | 16/02/2016 | 25/03/2016 |
| INN | Mua | Đóng | 36.0 | 49.8 | 49.0 | 36.1% | 38.3% | 19/01/2016 | 13/04/2016 |
| KBC | Mua | Mở | 13.1 | 15.0 | 15.5 | 18.3% | 14.5% | 26/04/2016 | 08/06/2016 |
| BPC | Mua | Mở | 12.4 | 17.5 | 20.0 | 61.3% | 41.1% | 20/01/2016 | 08/06/2016 |
| PMC | Mua | Mở | 49.0 | 60.7 | 72.4 | 47.8% | 23.9% | 26/04/2016 | 08/06/2016 |
| BCC | Mua | Mở | 14.8 | 19.1 | 18.4 | 24.3% | 29.1% | 19/12/2016 | 20/02/2017 |
| HVT | Mua | Mở | 19.5 | 27.8 | 25.0 | 28.2% | 42.6% | 19/12/2016 | 16/03/2017 |
| NLG | Mua | Mở | 21.8 | 26.8 | 27.8 | 27.5% | 22.7% | 19/12/2016 | 16/03/2017 |
| VNM | Mua | Mở | 124.6 | 151.7 | 150.0 | 20.4% | 21.7% | 20/12/2016 | 29/05/2017 |
| DVN | Mua | Mở | 16.1 | 27.7 | 28.0 | 73.9% | 72.0% | 14/11/2017 | 24/01/2018 |
| PGC | Mua | Mở | 13.5 | 17.2 | 24.1 | 78.5% | 27.4% | 04/05/2017 | 05/02/2018 |
| Trung bình: | | | | | | | 32.7% | | |

(Cập nhật ngày 03/02/2017)

Ngày 12/02/2018

BÁO CÁO CÔNG TY (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)

| Tên công ty | Ngày phát hành | Khuyến nghị | Giá mục tiêu | Chi tiết |
|-------------|----------------|-----------------------|----------------------|---------------|
| IJC | 15/11/2017 | Mua [+30%] | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| NTL | 14/11/2017 | Mua [+24%] | 12.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VPB | 17/08/2017 | Mua [+26%] | 49.200 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DRC | 27/07/2017 | Bán [-21%] | 21.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| LTG | 26/07/2017 | Bán [-19%] | 44.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VGC | 27/06/2017 | Nắm giữ [-8%] | 17.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| LIC | 31/05/2017 | Không đánh giá | | N/A Tài xuống |
| VGC | 25/05/2017 | Mua [+41%] | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CTF | 23/05/2017 | Nắm giữ [+9%] | 13.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CDN | 22/05/2017 | Mua [+29%] | 30.800 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DP2 | 19/05/2017 | Không đánh giá | | N/A Tài xuống |
| DVN | 18/05/2017 | Mua [+282%] | 39.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CSV | 10/05/2017 | Mua [+69%] | 50.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| TRC | 09/05/2017 | Nắm giữ [+8%] | 31.700 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| PGC | 28/04/2017 | Mua [+81%] | 24.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| TMT | 21/04/2017 | Nắm giữ [+3%] | 13.300 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| VTG | 23/03/2017 | Mua [+29%] | 14.400 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| DIG | 23/03/2017 | Nắm giữ [+0%] | 9.100 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| TMT | 20/03/2017 | Mua [+42%] | 18.000 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |
| CMC | 20/03/2017 | Mua [+160%] | 13.500 đồng/cổ phiếu | Tài xuống |

| Khuyến nghị | Diễn giải |
|------------------|--|
| Kỳ vọng 12 tháng | |
| Mua | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường trên 15% |
| Nắm giữ | Nếu giá mục tiêu so với giá thị trường từ -15% đến 15% |
| Bán | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường dưới -15% |

 Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-cong-ty>

Ngày 12/02/2018

BÁO CÁO CẬP NHẬT NGÀNH (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)

| Tên báo cáo | Chi tiết |
|---|-----------|
| Báo cáo cập nhật ngành Săm lốp – Quý 4/2017 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Quý 2/2017 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Quý 2/2017 | Tải xuống |
| Báo cáo triển vọng ngành 2017 - ASEANSC | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Bất động sản – Tháng 6/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Sản xuất thép – Tháng 6/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Ngân hàng – Tháng 5/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dịch vụ du lịch – Tháng 5/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Thủy sản – Tháng 4/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Dược phẩm – Tháng 4/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Khu công nghiệp – Tháng 3/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Chứng khoán – Tháng 3/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Cảng biển – Tháng 3/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Cao su tự nhiên – Tháng 2/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Nhiệt điện – Tháng 2/2016 | Tải xuống |
| Báo cáo cập nhật ngành Xi măng – Tháng 2/2016 | Tải xuống |

Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-nganh>

BÁO CÁO PHÂN TÍCH KỸ THUẬT (CÁC BÁO CÁO PHÁT HÀNH GẦN NHẤT)

| Tên báo cáo | Chi tiết |
|--|-----------|
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LIX, LM8, LSS, MBB (18/10/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – LCG, LDG, LHG, BCC (13/10/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM (25/08/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHB (23/08/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – NTL (28/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – PVD (24/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HUT (21/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VGS (20/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – KDC, KDH, KMR, KLF (18/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – IVS, ITA, ITD, KBC (17/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HT1, HTI, HVG, IDI (13/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HNG, HPG, HQC, HSG (12/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HBC, HCM, HDC, HHS (11/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – HAG, HAH, HAI, HAR (10/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – FMC, FPT, GAS, GMD (06/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – EIB, ELC, FCM, FLC (05/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DPM, DQC, DRC, DXG (04/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DHM, DIC, DRH, DLG (03/07/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DCM, DCL, DCS, DIG (30/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – DBC, EVE, FCN, FIT (29/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CSM, CCL, CNG, CLL (28/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – CMG, CTD, CTG, CVT (26/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BMI, BVS, BVH, BTP (23/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – BHS, BCG, CEO, CII (22/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – AAA, ACB, BID, BIC (21/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VTO, TNG, VIX, MBS (20/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VNE, VNM, VSC, VSH (19/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VIS, VHG, VIC, VIP (16/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – VCG, VGS, VND, VKC (15/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TIG, TVS, VCB, VHC (14/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – TCL, TCM, TDH, TSC (13/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SVC, SCR, VNS, TLH (12/06/2017) | Tài xuống |
| Báo cáo phân tích kỹ thuật – SHS, SRC, SJS, STB (09/06/2017) | Tài xuống |

 Vui lòng xem chi tiết tại: <https://www.aseansc.com.vn/trung-tam-phan-tich/bao-cao-phan-tich-ky-thuat>

Ngày 12/02/2018

LỊCH SỰ KIỆN CHỨNG KHOÁN NỔI BẬT

| Ngày GDKHQ | Ngày ĐKCC | Ngày TH | Mã CK | Sàn | Nội dung sự kiện | Giá HT | Thay đổi |
|------------|------------|------------|-------|-------|--|----------------|----------------|
| 09/02/2018 | 12/02/2018 | 21/04/2018 | SMC | HOSE | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | 27.8 | 0.3 (1.09%) |
| n/a | n/a | 29/03/2018 | ND2 | UPCoM | Giao dịch bổ sung - 8,464,310 CP | 23 | 0 (0%) |
| 09/02/2018 | 12/02/2018 | 28/02/2018 | TV2 | HNX | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | 173.7 | 1.6 (0.94%) |
| 09/02/2018 | 12/02/2018 | #REF! | VCT | UPCoM | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | n/a | n/a |
| n/a | n/a | 09/02/2018 | CDO | HOSE | Đưa cổ phiếu vào diện kiểm soát | 1.21 | 0 (0%) |
| 09/02/2018 | 12/02/2018 | n/a | S4A | HOSE | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | 24 | 0.3 (1.27%) |
| 09/02/2018 | 12/02/2018 | 07/03/2018 | SKV | UPCoM | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | 0.2 (1.04%) | 0.2 (1.04%) |
| 09/02/2018 | 12/02/2018 | 01/03/2018 | PGI | HOSE | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 1,200 đồng/CP | 19 | 0 (0%) |
| 09/02/2018 | 12/02/2018 | 19/03/2018 | SGD | HNX | Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 1,000 đồng/CP | 12.5 | 0 (0%) |
| 09/02/2018 | 12/02/2018 | 23/03/2018 | SGD | HNX | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | n/a | n/a |
| 12/02/2018 | 13/02/2018 | n/a | PSB | UPCoM | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | n/a | n/a |
| 12/02/2018 | 13/02/2018 | n/a | MCO | HNX | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | 1.9 | 0 (0%) |
| 12/02/2018 | 13/02/2018 | 10/03/2018 | VCS | HNX | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | n/a | n/a |
| 12/02/2018 | 13/02/2018 | 09/03/2018 | VCS | HNX | Trả cổ tức đợt 2/2017 bằng tiền, 2,000 đồng/CP | 194 | -5.5 (-2.75%) |
| n/a | n/a | 12/02/2018 | SJG | UPCoM | Giao dịch lần đầu - 669,300 CP | n/a | n/a |
| 12/02/2018 | 13/02/2018 | 10/03/2018 | MPC | UPCoM | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | 66 | -9.7 (-12.81%) |
| 12/02/2018 | 13/02/2018 | 09/03/2018 | API | HNX | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | 13.8 | 0 (0%) |
| n/a | n/a | 12/02/2018 | VSC | HOSE | Giao dịch bổ sung - 4,555,162 CP | 37 | 0 (0%) |
| 12/02/2018 | 13/02/2018 | 16/03/2018 | HFT | UPCoM | Hợp ĐHCĐ thường niên năm 2018 | 23.4 | 0 (0%) |
| n/a | n/a | 12/02/2018 | ADS | HOSE | Giao dịch bổ sung - 4,274,320 CP | 15.9 | -1.1 (-6.47%) |
| 13/02/2018 | 21/02/2018 | 07/03/2018 | SMA | HOSE | Trả cổ tức đợt 2/2012 bằng tiền, 300 đồng/CP | 13.7 | 0 (0%) |
| 13/02/2018 | 21/02/2018 | 07/03/2018 | SMA | HOSE | Trả cổ tức năm 2013 bằng tiền, 400 đồng/CP | 13.7 | 0 (0%) |

Cập nhật ngày 12/02/2018

ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG BẢN TIN VÀ KHUYẾN CÁO

Điều kiện sử dụng bản tin: Bản tin nhận định thị trường này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN cung cấp cho một bộ phận khách hàng nhất định có mở tài khoản tại Công ty. Mọi sự cung cấp khi chưa được sự đồng ý của Công ty đều bị coi là vi phạm bản quyền.

Khuyến cáo: Nội dung trong bản tin này được Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN tổng hợp và phân tích từ các nguồn thông tin đại chúng được xem là đáng tin cậy và chỉ đơn thuần phục vụ mục đích tham khảo. Công ty không chịu trách nhiệm với bất kỳ quyết định mua hay bán khi khách hàng sử dụng các thông tin trên.